

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14- 5- 2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khắc Tấn; ông Tổng Đức Như

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
khu vực 6 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên
tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 -Thanh
Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ ngày
23 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/ QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 3
năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số:34/2026/QĐST - HNGĐ ngày
24/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) - sinh năm 1996

CCCD số: 015196006244; Cư trú tại: [Thôn B, xã T, tỉnh Lào Cai](#)

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ [Bùi Văn N](#)- [TDP N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình](#) (vắng
mặt có lý do).

Bị đơn: Anh [Cao Văn V](#), sinh năm 1996

CCCD số: 038096017557; Cư trú tại: [Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng
mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2026 và bản tự khai, nguyên đơn chị [Nguyễn
Thị Hải Y](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh [Cao Văn V](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa \(nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa\)](#) năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không hợp nhau, chúng tôi không thể chia sẻ đồng cảm với nhau về mọi việc và đặc biệt thường xuyên xảy ra cãi cọ, bất đồng quan điểm ngày càng nhiều. Hai vợ chồng đã tiến hành hoà giải, hàn gắn nhiều lần nhưng nhận thấy không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Cao Văn V](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Cao Minh K](#) (nam) sinh ngày 12/5/2019. Nếu ly hôn chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu [Cao Minh K](#) đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động và chị không yêu cầu anh [V](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 19/3/2026 ông [Cao Văn T](#) (bố đẻ anh [Cao Văn V](#)) cho biết: Con ông là [Cao Văn V](#) và con dâu là [Nguyễn Thị Hải Y](#) kết hôn năm 2019, có với nhau 01 con chung là [Cao Minh K](#), sinh năm 2019. Trong thời gian chung sống mặc dù chung sống cùng nhà nhưng vợ chồng mâu thuẫn như thế nào ông không được biết. Vợ chồng ông cũng đã hoà giải khuyên ngăn nhiều lần nhưng hai cháu nói vợ chồng không hợp nhau nên muốn ly hôn. Vì mâu thuẫn vợ chồng nên chị [Y](#) đã bỏ đi ra tỉnh Ninh Bình thuê nhà ở và bán hàng ăn vặt, còn con trai ông thì làm nghề tự do thu nhập bao nhiêu ông không được biết vì anh [V](#) không nói cho vợ chồng ông. Nay chị [Y](#) làm đơn ly hôn ông đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án, ông đã giao lại cho con ông. Tuy nhiên, anh [V](#) đi làm bận rộn anh [V](#) nói không đến Toà án làm việc được, nên ông là bố của anh [V](#) đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết cho hai anh chị.

Tại biên bản xác minh ngày 19/3/2026 ông [Trần Đức H](#), trưởng thôn [Ngọc S](#) cho biết: Vợ chồng chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) và anh [Cao Văn V](#) kết hôn năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở [thôn N, xã T](#). Trong thời gian chung sống vợ chồng có chung với nhau 01 con sinh năm 2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào thôn không nắm rõ vì anh chị không báo cáo thôn để thôn tổ chức hoà giải. Hiện nay hai vợ chồng làm nghề tự do, chị [Y](#) hiện nay đi đâu ông không biết vì hai mẹ con không còn ở nhà chồng. Nay chị [Y](#) làm đơn ly hôn anh [V](#) đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập nhiều lần và đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh [Cao](#)

[Văn V](#) không có mặt, không thể hiện quan điểm về việc khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Hải Y](#). Ngày 20/3/2026 chị [Y](#) có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Nền ngày 30/3/2026 TAND khu vực 6- Thanh Hoá đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Chấp hành đúng các quy định tố tụng, không có vi phạm.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Hải Y](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) được ly hôn với anh [Cao Văn V](#).

- Về con cái: Giao cháu [Cao Minh K](#) (nam) sinh ngày 12/5/2019 cho chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh [V](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị [Y](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Cao Văn V](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”;

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại [xã T, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh [Cao Văn V](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) và anh [Cao Văn V](#).

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) và anh [Cao Văn V](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H, \(nay là xã T\) tỉnh Thanh Hóa](#) như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị [Y](#) vì bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã tiến hành hoà giải, hàn gắn

nhiều lần nhưng nhận thấy không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai.

HĐXX thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị [Y](#) và anh [V](#) luôn xảy ra mâu thuẫn, chị [Y](#) đã chuyển ra thuê nhà ở Ninh Bình, hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị [Y](#) được ly hôn với anh [V](#) là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Cao Minh K](#) (nam) sinh ngày 12/5/2019. Chị [Y](#) có nguyện vọng xin được nuôi cháu [K](#) và không yêu cầu anh [V](#) cấp dưỡng nuôi con chung. Anh [V](#) không đến Toà làm việc, không thể hiện quan điểm của anh về việc anh xin nuôi con. HĐXX thấy: Chị [Y](#) có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu [K](#) vì hiện nay cháu [K](#) đang còn nhỏ hiện nay đang ở với chị và đến ngày 12/5/2026 cháu [K](#) đủ 7 tuổi nên cháu có đơn nguyện vọng xin ở với mẹ. Nên để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu, tạo điều kiện cho cháu ổn định về tinh thần và cháu [K](#) cần có bàn tay chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị [Y](#), giao cháu [K](#) cho chị [Y](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, anh [V](#) không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị [Y](#) không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

** Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Hải Y](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) được ly hôn với anh [Cao Văn V](#)

- Về con cái: Giao cháu [Cao Minh K](#) (giới tính: nam) sinh ngày 12/5/2019 cho chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành

niên hoặc có khả năng lao động. Anh [Cao Văn V](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [Y](#).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [Y](#) đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 23/01/2026 theo biên lai thu số: 0000652. Như vậy, chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) và anh [Cao Văn V](#).

Chị [Nguyễn Thị Hải Y](#) và anh [Cao Văn V](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
 - Đương sự;
 - THADS tỉnh Thanh Hoá;
 - Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
 - UBND xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- (ĐK 09/01/2019);

- *Lưu*

hồ

sơ

vụ

án.

TỔNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**